**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ NINH BÌNH**
**TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2017/HS-ST
Ngày 17/11/2017

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đồng Thị Thanh Hương

2. Bà Hoàng Thị Kim Phượng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tống Thị Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên toà: ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:131/2017/HS-ST, ngày 13/9/2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Đình C, sinh năm 19xx; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn R, xã P L, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Đình L; Mẹ đẻ: Trung Thị H Vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 22/5/2017 đến nay, Có mặt.

2. Họ và tên: Trần xuân T, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: Phố Tây Sơn 2, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Phố N Q, phường N B, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Văn C; Mẹ đẻ: Phạm Thị Đ; Vợ: Phạm Thị Y; Con: Có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình Bình từ ngày 22/5/2017 đến nay, Có mặt.

3. Họ và tên: Hà Đức T, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N N, thành phố NB,

tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Hà Văn C; Mẹ đẻ: Đinh Thị L; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Ngày 17/12/2012 TAND thành phố Ninh Bình xử phạt 5 năm tù về tội cố ý gây thương tích (Ra trại ngày 31/8/2015); Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình trong vụ án Gây rối trật tự công cộng do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đang thụ lý, Có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Hùng V, sinh năm 1995; Nơi ĐKHNKTT: xã An Sơn, huyện TN, thành phố H P; Chỗ ở hiện nay: Phố N Q, phường N B, thành phố N B, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn Q; Mẹ đẻ: Vũ Thị V; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Ngày 17/7/2014 TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Ra trại ngày 09/6/2015); Tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình Bình từ ngày 22/5/2017 cho đến nay, có mặt.

* Người bị hại: Phạm Thế D (Tên gọi khác: Phạm Quốc D). Nơi ĐKHKTT: Phố xx, phường VG, thành phố N B, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: Phố BĐ, phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình, Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Bà Trần Thị Y, sinh năm 1961. Nơi ĐKHKTT: Số nhà xx, ngõ xx, đường P H T, Phố xx, phường VG, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: Phố BĐ, phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình, Có mặt.

- Ông Hà Trọng Tr, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình, Có mặt

- Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1990. Trú tại: Ngõ xxx, đường N G T, phố N Q, phường NB, thành phố N B, tỉnh Ninh Bình, Có mặt.

## NHẬN THẤY

Các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bùi Đình C, Trần xuân T và anh Phạm Thế D (Tên gọi khác là Phạm Quốc D), sinh năm 19xx, trú tại phố xx, phường VG, thành phố NB là bạn bè quen biết nhau từ trước. Khoảng 1h ngày 16/5/2017, anh D sang phòng trọ của C ở thôn D T, xã Y B, huyện Y Y, tỉnh Nam Định gặp và bán cho C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO với giá 300.000đ. Sau khi anh D đi về, C kiểm tra chiếc điện thoại vừa

mua thì phát hiện chiếc điện thoại được lắp pin tự chế không chính hãng, C nghĩ bị anh D lừa nên nảy sinh ý định đi tìm anh D để đánh. Do biết Trần xuân T trước đây cũng bị anh D lừa bán điện thoại với cách thức tương tự nên C điện cho T hỏi địa chỉ nhà anh D và rủ T đi tìm anh D để đánh, T đồng ý và hẹn C đến số nhà xxx đường N G T, phố N Q, phường N B, thành phố NB là nhà của anh Đinh Ngọc A sinh năm 19xx trú tại thị trấn Y N, huyện Y K, tỉnh Ninh Bình sử dụng làm trụ sở của công ty ANM và cũng là nơi T làm để cùng đi. Sau đó, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 36H2 – 86xx mang theo 01 chiếc rìu bằng kim loại để ở gác ba ga đựng đồ phía trước xe làm hung khí đến chỗ hẹn, còn T lấy 01 gậy rút 3 khúc bằng kim loại đường kính 2,5 cm rút dài hết cỡ là 64cm khi thu lại còn 24 cm để làm hung khí và đi xe mô tô Honda Wave S BKS 35B2 – 18770 từ phòng trọ ở số nhà xx đường N G T, phố N Q, phường NB đến số nhà xxx đường NGT để đợi C. Tại đây, T gặp Hà Đức T và Nguyễn Hùng V đều là bạn quen biết từ trước cùng làm ở công ty A N M và rủ Tvà V cùng đi tìm anh D để đánh, T và V đồng ý. T lấy 01 dao quắm có cán bằng gỗ trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 38cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm bản nơi rộng nhất là 5cm cong dần về phía mũi dao; V định mang theo 01 gậy là cánh tay cầm của cửa kính thủy lực màu sáng dài 60cm đường kính 3,5 cm để mang theo, do chiếc gậy sáng màu dễ bị phát hiện nên T đã bảo V cất lại. Khi C đến số nhà xx đường N G T thấy T, T và V đang ở đây, C đi vào trong bếp uống nước thì nhìn thấy trên trạn bếp có 01 dao nhọn bằng kim loại dài 33 cm, cán dài 13cm, lưỡi kim loại dài 20cm, lưỡi bản rộng 3cm thấy thuận lợi cho việc cất giấu nên C đã lấy 01 mảnh vải màu xanh để trên trạn bếp quấn xung quanh và giấu ở hông cạp quần bên trái làm hung khí đi tìm anh D đánh. T cất gậy rút vào bên hông người, T cầm dao quắm đưa T cất giấu dọc theo để chân bên phải xe mô tô Honda Wave S BKS 35B2 – 18xxx do T điều khiển; V lên xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 36H2 - 8698 của C chở C. Do đã rủ nhau từ trước nên T điều khiển xe đi trước, V đi theo sau để đi tìm anh D đánh. Trên đường đi V hỏi C "anh quấn cái gì vậy" C nói "dao lấy trong bếp". Khoảng 3h cùng ngày, khi cả bốn đi đến dốc cầu Chà Là theo hướng từ nhà Văn Hóa tỉnh Ninh Bình sang khu vực chợ R thuộc phố x, phường V G, thành phố Ninh Bình, T phát hiện thấy anh D đang cởi trần ngồi trên xe mô tô biển kiểm soát 35F3 – xxx gần quán bán nước của anh Lương S, sinh năm 19xx, trú tại phố xx, phường V G, thành phố Ninh Bình, Tđiều khiển xe áp sát vị trí anh D đứng hò to "D Đại" thấy vậy anh D bỏ chạy, cả bốn xuống xe đuổi theo, T dùng gậy mang theo ném về phía anh D nhưng không trúng, anh Dvẫn tiếp tục chạy, cùng lúc này C cầm dao được quấn vải phía ngoài trên tay phải, T cầm dao quắm trên tay phải còn V không cầm theo hung khí chạy đuổi theo anh D. Khi chạy vượt lên phía trước anh D thì C quay lại cầm dao đâm về phía người anh D,

thấy vậy anh D chạy quay ngược lại thì từ phía sau T nhặt chiếc gậy rút vừa ném tiến đến, T cầm dao quắm và V chạy vào bao vây xung quanh, ép anh D vào góc tường của cửa hàng xe máy VT ở số nhà xx, đường V G. Lúc này, anh D hai tay ôm đầu thì C chạy đến áp sát anh D và cầm dao nhọn quấn vải mầu xanh trên tay phải đâm từ ngoài vào trong thấu bụng ngực trái, tiếp đó T, T, V lao đến đánh anh D thì C lùi ra, T liên tục dùng gậy rút trên tay phải vụt nhiều phát vào người anh D, T cầm cán dao quắm trên tay phải lao vào đánh anh D nhưng bị T đẩy ra, V dùng chân, tay túm tóc, đá, tát vào người anh D, T lao vào dùng chân phải đạp vào người anh D, làm anh D ngã người về phía sau và định vùng chạy. Thấy vậy, C cầm dao trên tay phải đâm từ ngoài vào trong thấu ngực phải anh D làm cho anh D bị thương chảy nhiều máu. Thấy anh D không phản kháng gì nên cả hội không đánh nữa. C cầm chiếc điện thoại di động Oppo mà anh D đã bán cho C trước đó ném về phía anh D, còn V thấy trên nền đường vỉa hè có 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen cạnh vị trí anh D bị đánh nghĩ là điện thoại của anh D bị rơi nên sau khi nhặt lên đã ném lại chiếc điện thoại về phía anh D rồi cùng nhau lên xe đi về số nhà xxx rồi C, T đi về nhà. Anh D sau khi bị đâm được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình cấp cứu điều trị từ ngày 16/5/2017 đến ngày 25/5/2017 ra viện, ngày 17/5/2017 anh D có đơn đề nghị sử lý hình sự và đơn xin giám định thương tích.

Quá trình điều tra thu giữ tại hiện trường 01 xe mô tô BKS 35F3 – 5115, 01 ĐTDĐ Oppo có pin tự chế màn hình bị vỡ, hỏng và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; Thu giữ của Trần xuân T 01 ĐTDĐ Iphone 5C, T dùng để liên lạc với C để đi đánh anh D; Thu giữ tại số nhà xxx đường NGT, phố N Q, phường N B, thành phố N B: 01 dao nhọn bằng kim loại dài 33 cm, cán dài 13cm, lưỡi kim loại dài 20cm, lưỡi bản rộng 3cm phần mũi dao bám dính dị vật mầu nâu đỏ; 01 mảnh vải mầu xanh KT(98x24,5)cm phần đầu rách nham nhở, phần đầu vải rách có bám dính dị vật màu nâu đỏ vết rách sắc gọn; 01 dao quắm có cán bằng gỗ trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 38cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm bản nơi rộng nhất là 5cm cong dần về phía mũi dao; 01 gậy rút 3 khúc bằng kim loại đường kính 2,5 cm rút dài hết cỡ là 64cm khi thu lại còn 24 cm; 01 gậy là cánh tay cầm kích thủy lực màu sáng dài 60cm đường kính 3,5 cm và 01 xe mô tô có dán tem Dream BKS 36H2 – 8698. Ngày 16/5/2017, chị Phạm Thị Y – vợ của Trần xuân T giao nộp 01 xe mô tô BKS 35B2 – 187.70.

Tiến hành thu mẫu máu tại hiện trường ký hiệu M1; dị vật mầu nâu đỏ trên bề mặt dao nhọn C sử dụng để đánh anh D ký hiệu M2; dị vật màu nâu đỏ trên tấm vải mầu xanh C sử dụng quấn quanh dao ký hiệu M3; thu mẫu máu của anh D ký hiệu M4. Tiến hành trưng cầu giám định mẫu máu (AND) đối với các mẫu vật đã thu

giữ. Tại bản kết luận giám định số 2559/C54(TT3) ngày 04/7/2017 của Viện khoa học hình sự bộ Công an kết luận các mẫu ký hiệu M1, M2, M3 có dính máu của anh Phạm Thế D.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y thương tích để xác định tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích gây ra của anh Phạm Thế D.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 036 ngày 19/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh D là 23% (Hai mươi ba phần trăm).

Tại cơ quan điều tra Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 13/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V về tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã kết luận, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố không thay đổi bổ sung gì và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Xử phạt bị cáo Bùi Đình C từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Xử phạt bị cáo Trần xuân T từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Xử phạt bị cáo Hà Đức T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Hùng V từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; các Điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phạm Thế D tổng số tiền từ 28.855.000đ đến 34.505.000đ. Chia theo phần mỗi bị cáo như sau:

- Bị cáo Bùi Đình C phải bồi thường cho anh D số tiền từ 14.427.500đ đến 17.252.500đ.

- Bị cáo Trần xuân T phải bồi thường cho anh số tiền D từ 7.213.750đ đến 8.626.250đ. Được trừ đi số tiền 5 triệu đồng đã bồi thường trước đó.

- Bị cáo Hà Đức T và Nguyễn Hùng V phải bồi thường cho anh D số tiền từ 3.606.875đ đến 4.313.125đ. Được trừ đi số tiền 4 triệu đồng do ông C đã nộp trước đó, hiện số tiền đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:

- Trả cho anh D số tiền 4.000.000đ đang quản lý tại tài khoản tạm giữ chi cục THA dân sự thành phố Ninh Bình do ông Hà Trọng C là bố Hà Đức T giao nộp để khắc phục một phần hậu quả.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hùng V 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Tịch thu hóa giá xung ngân sách nhà nước 01 ĐTDĐ Iphone 5C thu giữ của Trần xuân T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 ĐTDĐ Oppo có pin tự chế màn hình bị vỡ, hỏng; 01 dao nhọn bằng kim loại dài 33 cm, cán dài 13cm, lưỡi kim loại dài 20cm, lưỡi bản rộng 3cm; 01 mảnh vải mầu xanh KT(98x24,5)cm; 01 dao quắm có cán bằng gỗ trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 38cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm bản nơi rộng nhất là 5cm cong dần về phía mũi dao; 01 gậy rút 3 khúc bằng kim loại đường kính 2,5 cm rút dài hết cỡ là 64cm khi thu lại còn 24 cm; 01 gậy là cánh tay cầm của cửa kích thủy lực màu sáng dài 60cm đường kính 3,5 cm.

Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

## XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định pháp y về thương tích, lời khai của người bị hại, người làm chứng trong vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 3 giờ ngày 16/5/2017 tại khu vực chợ R, phường VG, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình các bị cáo C, T, T, V đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dao, gậy rút, dao quắm và dùng chân tay đánh anh D; trong đó Bùi Đình C dùng dao nhọn đâm một nhát vào khoang liên sườn phải; một nhát vào khoang liên sườn trái làm anh D giảm 23% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung hình phạt là dùng hung khí nguy hiểm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng tham gia đánh anh D, nhưng trước đó các bị cáo không bàn bạc, phân công việc hành vi phạm tội cho nhau. Vì vậy các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức. Xét vai trò trách nhiệm của từng bị cáo thì thấy rằng:

1. Đối với bị cáo Bùi Đình C: Là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, bị cáo là người khởi xướng và rủ bị cáo T cùng đi tìm anh D để đánh. Bị cáo trực tiếp chuẩn bị hung khí, trực tiếp dùng dao đâm anh D hai phát thấu ngực bụng trái và thấu ngực phải, tỷ lệ phần trăm thương tích của anh D chủ yếu là do vết đâm của bị cáo. Do vậy bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án.

2. Đối với bị cáo Trần xuân T, sau khi C rủ T đi tìm đánh anh D, T không những không ngăn cản C mà bị cáo nhận lời ngay và rủ thêm bị cáo T, bị cáo V

cùng tham gia đánh anh D. T đã trực tiếp chuẩn bị hung khí, dùng gậy rút vụt nhiều lần vào người anh D. Vì vậy, bị cáo T giữ vai trò thứ hai sau bị cáo C.

3. Đối với bị cáo Hà Đức T và Nguyễn Hùng V, mặc dù không quen biết, không có mâu thuẫn gì với anh D, nhưng sau khi bị cáo T rủ đi đánh anh D, cả hai bị cáo đồng ý ngay. Tvà V dùng chân tay đánh, đạp vào người anh D, là người giúp sức cho bị cáo C thực hiện hành vi đâm anh D. Hai bị cáo T, V có vai trò ngang nhau và phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C và bị cáo T.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, điều 46 BLHS. Mặt khác cần áp dụng những qui định có lợi cho người phạm tội theo qui định của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung: Tại khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm nhưng tại khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Do vậy, cần áp dụng khoản 3, Điều 7; điểm đ khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xem xét quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

+ Đối với bị cáo T, sau khi gây án, bị cáo cùng gia đình đã đến bệnh viện thăm hỏi và đưa cho bà Trần Thị Y, là mẹ đẻ anh D, số tiền 5.000.000đồng; Bị cáo T đã tác động đến gia đình, ông Hà Trọng C là bố đẻ bị cáo T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra nộp số tiền 4.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho anh D. Do đó, bị cáo T và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1, điều 46 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Hà Đức T và Nguyễn Hùng V đều đã có tiền án chưa được xóa án tích nay lại cố ý phạm tội nên bị cáo T và V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo C đã bị Tòa án xử phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo T bị xử phạt tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng đã được xóa án tích.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, anh Phạm Thế D đề nghị buộc các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V phải liên đới bồi thường cho anh D các khoản thiệt hại cụ thể như sau:

- Điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình:

+ Hóa đơn ngày 26/5/2017: 9.064.000đ

+ Hóa đơn ngày 02/6/2017: 291.000đ

- Tiền ngày công lao động bị mất trong thời gian 10 ngày nằm viện: Khoảng 400.000 đ đến 500.000 đ / 1 ngày x10 ngày = 4.000.000đ đến 5.000.000 đồng.

- Tiền thu nhập của người chăm sóc thứ nhất là bà Y (mẹ anh D): Khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng /1 ngày x 10 ngày = 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Tiền thu nhập của người chăm sóc thứ hai là anh C (Em trai anh D): Khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng /1 ngày x 10 ngày = 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

- Tiền phục hồi sức khỏe, bồi dưỡng trong quá trình điều trị: 300.000 đồng/1 ngày x 10 ngày = 3.000.000 đồng. Ngoài ra tại phiên tòa anh D còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sau khi các bị cáo C, T, T, V gây thương tích, anh Phạm Thế D phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình từ ngày 16/5/2017 đến ngày 25/5/2017 ra viện (10 ngày). Sau đó ngày 2/6/2017 anh D vào bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình tái khám.

- Về khoản tiền chi phí trong quá trình điều trị thương tích tại bệnh viện theo hoá đơn ngày 26/5/2017: 9.064.000 đ; Hóa đơn ngày 02/6/2017: 291.000 đ là khoản chi phí thực tế, có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Đối với thu nhập của anh D bị mất: do anh D không có công việc ổn định nên không xác định được thu nhập thực tế hàng tháng, Ủy ban nhân dân phường V G cung cấp về thu nhập của lao động tương tự như anh D tại địa phương có mức thu nhập khoảng 2.200.000đ/ tháng. Tuy nhiên anh D trình bày ngoài lao động tự do đơn thuần anh D còn mua bán linh kiện điện thoại để tự sửa và bán lại nên có thêm thu nhập. Do đó xét tiền công bị mất trong 10 ngày nằm viện và 01 ngày tái khám của anh D là 150.000đ/ngày x 11ngày = 1.650.000đ.

Anh D điều trị tại bệnh viện 10 ngày, do sức khỏe yếu nên mẹ đẻ và em trai anh D chăm sóc nên cần chấp nhận ngày công lao động bị mất trong thời gian chăm sóc anh D của hai người.

+ Đối với bà Trần Thị Y (mẹ đẻ anh D) làm nghề bán hàng ăn sẵn tại khu vực chợ R, qua xác minh tại địa phương thu nhập trung bình từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ, lời khai của bà Y và anh D là phù hợp. Do đó tiền công lao động bà Y bị mất được tính là 250.000đ/ngày x 10 ngày = 2.500.000đ.

+ Đối với anh Phạm Duy C (em trai anh D) làm nghề bán hoa quả rong thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng. Do đó tiền công lao động anh C bị mất được tính là 200.000đ/ ngày x 10 ngày = 2.000.000đ.

- Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe trong và sau điều trị cần chấp nhận gồm 10 ngày nằm viện và 20 ngày ngày sau khi ra viện là: 200.000đ/ngày x 30 ngày = 6.000.000đ.

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 10 tháng lương cơ bản x 1.300.000đ = 13.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền chi phí hợp lý mà các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Thế D là: 34.505.000đ.

Trong vụ án có 04 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi gây thương tích cho anh D, tuy nhiên bị cáo Bùi Đình C là người khởi xướng, thương tích của anh D do C trực tiếp dùng dao gây nên, do đó đối với trách nhiệm dân sự bị cáo C phải chịu trách nhiệm cao hơn so với các bị cáo còn lại; Bị cáo Trần xuân T là người tham gia tích cực, chủ động rủ T và V cùng tham gia do đó T cũng phải chịu trách nhiệm dân sự cao hơn T và V nhưng thấp hơn C; bị cáo T và bị cáo V có vai trò ngang nhau, tính chất mức độ hành vi như nhau do đó khoản bồi thường bằng nhau. Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi đối với thiệt hại thì bị cáo Bùi Đình C phải chịu 1/2 tổng số tiền bồi thường thiệt hại; Bị cáo Trần xuân T phải chịu 1/4 tổng số tiền; các bị cáo T và V có mức bồi thường ngang nhau là 1/8 tổng số tiền bồi thường thiệt hại, cụ thể các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh D như sau:

- Bị cáo Bùi Đình C phải bồi thường cho anh D số tiền: 17.252.500đ.

- Bị cáo Trần xuân T phải bồi thường cho anh D số tiền: 8.626.250đ. Được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Thành đã bồi thường cho anh D trong thời gian anh D nằm viện. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho anh D số tiền: 3.626.250 đồng.

- Bị cáo Hà Đức T và Nguyễn Hùng V, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh D số tiền 4.313.125đ. Bị cáo T được trừ đi số tiền 4.000.000 đồng mà ông Hà Trọng C là bố đẻ bị cáo T nộp tại cơ quan điều tra. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp số tiền: 313.125đ.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen thu giữ tại hiện trường quá trình điều tra xác định là điện thoại của V đánh rơi không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo V.

- Đối với 01 ĐTDĐ Oppo có pin tự chế màn hình bị vỡ, hỏng do C vất lại tại hiện trường không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ĐTDĐ Iphone 5C thu giữ của Trần xuân T, quá trình điều tra xác định T dùng để liên lạc với C để đi tìm anh D đánh là phương tiện dùng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 dao nhọn bằng kim loại dài 33 cm, cán dài 13cm, lưỡi kim loại dài 20cm, lưỡi bản rộng 3cm; 01 mảnh vải mầu xanh KT(98x24,5)cm; 01 dao quắm có cán bằng gỗ trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 38cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm bản nơi rộng nhất là 5cm cong dần về phía mũi dao; 01 gậy rút 3 khúc bằng kim loại đường kính 2,5 cm rút dài hết cỡ là 64cm khi thu lại còn 24 cm; 01 gậy là cánh tay cầm của cửa kích thủy lực màu sáng dài 60cm đường kính 3,5 cm là hung khí các bị cáo sử dụng mang theo để đánh anh D, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc rìu, C mang theo để làm hung khí, C khai đã vất trên đường đi về và chiếc điện thoại C dùng để gọi rủ T đi đánh anh D, C để lại tại số nhà xxx đường NGT, phố NQ, phường N B, thành phố Ninh Bình. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình đã tiến hành rà soát nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave S BKS 35B2 – 187.70, Trần xuân T điều khiển ngày 16/5/2017 để đi tìm anh D để đánh. Quá trình điều tra xác định là xe của chị Phạm Thị Y là vợ của bị cáo T. Ngày 16/5/2017, chị Y cho Thành mượn xe mô tô để đi làm, việc T sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi tìm anh D đánh, chị Y không biết. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình đã trả lại cho chị Y nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô có dán tem Dream BKS 36H2 – 8698 thu giữ của Bùi Đình C, quá trình điều tra xác định BKS 36H2 – 8698 và số khung, số máy của xe không trùng khớp nhau. BKS 36H2 – 8698 là biển kiểm soát của xe mô tô mang tên Quách Văn C, sinh năm 19xx trú quán xã N T, huyện T T, tỉnh Thanh Hóa. Anh C xác nhận số biển kiểm soát trên là của xe mô tô của anh tuy nhiên anh đã bán

hiện ai quản lý sử dụng anh C không biết; còn số khung số máy của xe qua tra cứu không có trên hệ thống quản lý đăng ký xe mô tô toàn quốc và 01 xe mô tô Honda Dream BKS 35F3 – 5115 thu giữ tại hiện trường, anh Phạm Thế D khai mua của một người không quen biết và chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Qua tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình xác định chủ sở hữu là Nguyễn Trọng N trú tại phường NS, thị xã TĐ, tỉnh Ninh Bình. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh tại phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp không có ai tên là Nguyễn Trọng N. Do đó cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình đã tách phần tài liệu liên quan đến 02 chiếc xe mô tô trên để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V đều phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình C 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

1.2. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung.

Xử phạt bị cáo Trần xuân T 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

1.3. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung.

Xử phạt bị cáo Hà Đức T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.4. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc

hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng V 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 584, 587, và Điều 590 Bộ Luật Dân sự.

Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Quốc D tổng số tiền là: 34.505.000đ (Ba mươi tư triệu năm trăm linh năm nghìn đồng). Theo phần:

- Bị cáo Bùi Đình C phải bồi thường cho anh Phạm Quốc D số tiền: 17.252.500đ (Mười bẩy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Bị cáo Trần xuân T phải bồi thường cho anh Phạm Quốc D số tiền: 8.626.250đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng bị cáo T đã bồi thường cho anh D trong thời gian anh D nằm viện. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho anh D số tiền: 3.626.250đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Bị cáo Hà Đức T phải bồi thường cho anh Phạm Quốc D số tiền: 4.313.125đ (Bốn triệu ba trăm mười ba nghìn một trăm hai lăm đồng). Được trừ đi số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho anh D số tiền: 313.125đ (Ba trăm mười ba nghìn một trăm hai lăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hùng V phải bồi thường cho anh Phạm Quốc D số tiền: 4.313.125đ (Bốn triệu ba trăm mười ba nghìn một trăm hai lăm đồng).

Kể từ ngày anh Phạm Quốc D có đơn đề nghị thi h ành án cho đến khi thi hành song tất cả các khoản tiền trên (Trừ tiền án phí) thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất 10%/năm, được quy định tại điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Trả cho anh Phạm Quốc D (Phạm Thế D) số tiền 4.000.000đ gia đình bị cáo T đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình. (Số tiền trên hiện đang quản lý tại tài khoản số 3949.0.1055126 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo Uỷ nhiệm chi lập ngày 16/10/2017).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hùng V 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5C thu giữ của Trần xuân T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 ĐTDĐ Oppo có pin tự chế màn hình bị vỡ, hỏng; 01 dao nhọn bằng kim loại dài 33 cm, cán dài 13cm, lưỡi kim loại dài 20cm, lưỡi bản rộng 3cm; 01 mảnh vải mầu xanh KT(98x24,5)cm; 01 dao quắm có cán bằng gỗ trụ tròn đường kính 3,5cm, dài 38cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm bản nơi rộng nhất là 5cm cong dần về phía mũi dao; 01 gậy rút 3 khúc bằng kim loại đường kính 2,5 cm rút dài hết cỡ là 64cm khi thu lại còn 24 cm; 01 gậy là cánh tay cầm của cửa kích thủy lực màu sáng dài 60cm đường kính 3,5 cm.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng ngày 03/11/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình).

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Đình C, Trần xuân T, Hà Đức T và Nguyễn Hùng V mỗi bị cáo phải nộp 200.000$^{đ}$ án phí hình sự sơ thẩm .

Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Bùi Đình C phải nộp : 862.600đ (Tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng); Bị cáo Trần xuân T phải nộp : 431.000đ (Bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng); Bị cáo Hà Đức T phải nộp: 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng); Bị cáo Nguyễn Hùng V phải nộp: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

**Nơi nhận :**
- TANDTỉnh Ninh Bình;
- VKSthành phố Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- LưuHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký, đóng dấu)

**Phạm Thị Tuyết**